

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-PT

Ngày: 15-01-2021

V/v tranh chấp hợp đồng ủy
quyền, bảo lãnh, cầm cố, thế
chấp và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Tài

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp và hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 338/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 148A/5, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tiến V, sinh năm 1995; địa chỉ: Phường X, thành phố M, tỉnh N; địa chỉ liên hệ: Số 39, đường số 9, Khu Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh D (Giấy ủy quyền ngày 03/01/2020).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1970; địa chỉ: Số 320B/24, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh D.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 443B/7 tổ 7, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị C: Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 143A đường Ông Nước D1800mm, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh D (Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2018).

2. Bà Đặng Thị Kim M, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 148A/5 đường Ông Nước D1800mm, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh D.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị Kim M: Ông Lê Tiên V, sinh năm 1995; địa chỉ: Phường X, thành phố M, tỉnh A; địa chỉ liên hệ: Số 39, đường số 9, Khu Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh D (Giấy ủy quyền ngày 03/01/2020).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Kim H.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn ông Nguyễn Kim H trình bày:*

Ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Thị Bích L có mối quan hệ làm ăn mua bán vật liệu xây dựng với nhau từ rất lâu, vì tin tưởng nên vào khoảng tháng 12/2015 bà L nhờ ông Nguyễn Ngọc C (là người làm công cho bà L) mang sang nhà ông H một tờ giấy trắng và nói với ông H ký tên, ghi rõ họ tên vào những vị trí bà L đã đánh dấu. Do ông H nghĩ ký vào tờ giấy đó để xác nhận mua bán hàng hóa giữa hai bên nên ông H ký và ghi họ tên vào mà không điền nội dung. Sau khi ký xong, ông C mang về đưa cho bà L. Mấy ngày sau, bà L hỏi mượn 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2299, tờ bản đồ số 4BA4, diện tích 1108,6m² tọa lạc khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh D, số BE596966 do UBND thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M ngày 15/7/2011; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 2290, tờ bản đồ số 4AB8, diện tích 185,1m² tọa lạc khu phố Nhị Đồng, thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thành phố D), tỉnh Bình Dương, số BĐ260239 do UBND huyện (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đặng Thị Kim M ngày 15/02/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 405C, tờ bản đồ số 4974, diện tích 1.114m² tọa lạc khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh D, số Y009673 do UBND huyện (nay là thành phố) Dĩ An cấp cho ông Nguyễn Kim H. Ông H đưa 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông C mang về đưa cho bà L. Mục đích bà L mượn để làm gì ông H không hỏi nên không biết. Cả 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M. Khi cho bà L mượn chỉ có ông H quyết định mà không thông qua ý kiến của bà M, cho nên bà M hoàn toàn không biết. Năm 2016, ông H biết

được sự việc bà L dùng giấy ủy quyền – bảo lãnh cầm cố - thế chấp có chữ ký, ghi họ tên của ông H cùng với 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 2.000.000.000 đồng.

Ông H thừa nhận các chữ ký và tên trong giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp là do ông H ký và viết còn nội dung cụ thể là gì và ai ghi thì ông không biết. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án hủy giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp và yêu cầu bà C có trách nhiệm trả lại cho ông H 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp bị vô hiệu và yêu cầu bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm trả lại hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 2299, tờ bản đồ số 4BA4, diện tích 1.108,6m² tọa lạc khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh D, số BE596966 do UBND thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M ngày 15/7/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 2290, tờ bản đồ 4AB8, diện tích 185,1m² tọa lạc khu phố Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh D, số BĐ260239 do UBND huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đặng Thị Kim M ngày 15/02/2011.

Ông H không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C về việc buộc ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Thị Bích L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi vì cho rằng ông H không ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp cho bà L vay tiền của bà C, đồng thời khi đưa cho bà L mượn 03 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải cho bà L dùng để vay tiền của bà C mà để nhằm mục đích ghi nhận việc mua bán giữa ông H với bà L và đảm bảo cho khoản tiền ông H nợ của bà L khi mua bán vật tư xây dựng giữa ông H với bà L.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L:* Bị đơn bà L được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng và tham gia phiên tòa vào các ngày 31/8/2020 và 21/9/2020 nhưng vắng mặt không lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

- *Tại đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà Nguyễn Thị C và bà Nguyễn Thị Bích L có mối quan hệ quen biết với nhau. Vào khoảng đầu tháng 12/2015 bà L hỏi vay tiền của bà C, tuy nhiên do không tin tưởng nên bà C không cho vay. Đến ngày 15/12/2015 bà L và ông H đến nhà bà C. Tại đây, bà L đưa giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp, đồng thời đưa cho bà C ba bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE596966 đối với diện tích 1.108,6m² thuộc thửa đất số 2299, tờ bản đồ số 4BA4, phường B, thị xã D, tỉnh D cấp cho ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M ngày 15/7/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ260239 đối với diện tích đất 185,1m² thuộc thửa số

2290, tờ bản đồ 4AB8, thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Đặng Thị Kim M ngày 15/02/2011 và 01 Giấy chứng nhận đã trả cho bà L, có sự chứng kiến của ông H.

Do thấy có giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp ông H ký tên và ba bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông H nên bà C tin tưởng cho bà L vay số tiền 2.000.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không ghi thời hạn trả nợ, nhưng hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ thời điểm vay, khi nhận tiền bà L ký nhận vào mặt sau của giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp, việc bà C đưa tiền cho bà L có sự chứng kiến của ông H. Đến ngày 20/12/2015, bà L trả được cho bà C số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 21/3/2016, bà L mượn lại 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y009673 đối với diện tích đất 1.114m² thuộc thửa số 405C, tờ bản đồ số 4974, tọa lạc khu phố Nội Hóa 1, phường B, huyện D, tỉnh D, cấp cho ông Nguyễn Kim H, thỏa thuận trong thời hạn 02 ngày trả lại cho bà C, nhưng bà L đã không trả.

Đến thời hạn trả nợ, bà L không thực hiện đúng như thỏa thuận, bà C nhiều lần sang nhà bà L yêu cầu trả tiền nhưng không gặp được bà L, sau đó bà C liên hệ với ông H yêu cầu ông H trả lại số tiền bà L đã mượn trước đó do ông H bảo lãnh cho bà L vay tiền của bà C vì cho rằng mình không nhận tiền nên không trả.

Đối với yêu cầu về việc buộc trả lại hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H; bà C có yêu cầu độc lập buộc ông H và bà L có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Sau khi trả xong số tiền trên, bà C đồng ý hủy giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp và trả lại cho ông H hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim M trình bày:

Ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Bà M thống nhất toàn bộ phần trình bày của ông H. Yêu cầu Tòa án tuyên bố giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp giữa ông H với bà L bị vô hiệu và buộc bà C có nghĩa vụ trả lại hai bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà C.

- Người làm chứng anh Nguyễn Ngọc C trình bày:

Anh Nguyễn Ngọc C là người làm công cho bà Nguyễn Thị Bích L. Do bà L và ông H có mối quan hệ làm ăn với nhau, cho nên bà L có đưa cho anh tờ giấy trắng để mang sang cho ông H ký tên vào vị trí mà bà L đánh dấu sẵn, thời gian cụ thể anh không nhớ. Sau khi ông H ký xong, anh mang về đưa cho bà L, còn bà L sử dụng vào mục đích gì anh hoàn toàn không biết. Khoảng 01 tuần sau, anh qua giao hàng cho ông H. Tại nhà ông H, ông H đã đưa cho anh ba bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để mang về đưa cho bà L, mục đích làm gì anh cũng không biết. Ngoài ra anh không biết gì thêm.

- *Tại Công văn số 330/ CQĐ-ĐTTH ngày 18/3/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D có nội dung: “...bà Nguyễn Thị Bích L sử dụng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Thị Kim M thế chấp cho bà Nguyễn Thị C vay số tiền 2.000.000.000 đồng, việc thế chấp, vay tài sản đã được sự đồng ý của ông H được thể hiện bằng “giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp” có chữ ký của ông H. Sau đó bà L đã trả lại cho bà C số tiền 500.000.000 đồng và nhận lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho ông H. Từ những căn cứ trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An xét thấy đây là vụ việc tranh chấp dân sự giữa các bên, không có dấu hiệu của tội phạm.”*

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2020/DS-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Kim H.

1.1. Tuyên bố giấy uỷ quyền – bảo lãnh cầm cố - thế chấp bị vô hiệu.

1.2. Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho ông Nguyễn Kim H 02 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE596966 đối với diện tích 1.108,6m² đất thuộc thửa số 2299, tờ bản đồ số 4BA4, đất tọa lạc khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh D do Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/7/2011 cho ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD260239 đối với diện tích 185,1m² đất thuộc thửa số 2290, tờ bản đồ 4AB8, đất tọa lạc khu phố Nhị Đồng, thị trấn Dĩ An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương do UBND huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/02/2011 cho bà Đặng Thị Kim M.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị C về việc buộc ông Nguyễn Kim H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích L và ông Nguyễn Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền vay 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 25/9/2020 nguyên đơn nộp đơn kháng cáo; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D kháng nghị ngày 29/9/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện và kháng cáo; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Kháng cáo của đương sự đúng thời hạn. Tại cấp phúc thẩm những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thụ lý, thủ tục hoà giải, đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Ông H cho rằng do có quan hệ kinh doanh nên ông H tin tưởng bà L ký nhiều tờ giấy trắng để bà L điền các thông tin mua bán vật liệu xây dựng vào nên nội dung Giấy ủy quyền – bảo lãnh cầm cố - thế chấp ông hoàn toàn không biết.

Xét hình thức, nội dung Giấy ủy quyền – bảo lãnh cầm cố - thế chấp thể hiện có 01 chữ ký của ông H tại trang 02 nằm độc lập so với các nội dung của văn bản này (không xác định được chữ ký này xác nhận nội dung nào) nên lời trình bày của ông H cho rằng ký sẵn trên tờ giấy trắng là có cơ sở để xem xét. Nội dung Giấy ủy quyền – bảo lãnh cầm cố - thế chấp định đoạt 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung vợ chung giữa ông H và bà M nên văn bản này vô hiệu không làm phát sinh nghĩa vụ của ông H đối với khoản tiền bà L mượn của bà C.

Theo Giấy ủy quyền – bảo lãnh cầm cố - thế chấp thể hiện nội dung: “Đã mượn chị Nguyễn Thị Chuyên số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ đồng chẵn)”. Số tiền 2.000.000.000 đồng được bà L mượn trước hay sau khi ông H ký văn bản này?

Để giải quyết các mâu thuẫn trên thì cần thiết phải làm việc với bà L để làm rõ vấn đề vay mượn tiền với bà C.

Nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D là có căn cứ, kháng cáo của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận một phần.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy một phần bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L không có mặt tại địa phương trong quá trình tố tụng (đi khỏi nơi cư trú), Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết công khai văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn kháng cáo, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án và tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và nguyên đơn đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp xác định đầy đủ là “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp và hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về nội dung vụ án, ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M là vợ chồng kết hôn năm 1994, có chung hộ khẩu từ năm 2007 (bút lục 04), ông H, bà M cùng được Nhà nước cấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE596966 cấp ngày 15/7/2011 cho ông Nguyễn Kim H và bà Đặng Thị Kim M thuộc thửa đất số 2299, tờ bản đồ số 4BA4, diện tích 1.108,6m² tọa lạc khu phố Nội Hóa 1, phường Bình An, thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD260239 cấp ngày 15/02/2011 cho bà Đặng Thị Kim M, thuộc thửa số 2290, tờ bản đồ 4AB8, diện tích 185,1m² tọa lạc khu phố Đ, thị trấn D, huyện D (nay là phường D, thành phố D), tỉnh Bình Dương;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y009673 cấp cho ông Nguyễn Kim H, diện tích đất 1.114m² thuộc thửa số 405C, tờ bản đồ số 4974, tọa lạc khu phố Nội Hóa 1, phường B, thị trấn (nay là thành phố) D, tỉnh D.

[4] Tài liệu, chứng cứ thể hiện, ngày 15/12/2015, ông Nguyễn Kim H ký tên của mình vào “Giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp” có nội dung:

“Tôi tên Nguyễn Kim H, sinh năm 1971, CMND 280495506; địa chỉ: 148^a/5 ấp Nội Hóa 1, Bình An, D, D. Nay tôi làm giấy này bảo lãnh cho cô Nguyễn Thị Bích L thay tôi cầm cố - thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

1/ Giấy CNQSD đất thửa số 2299, tờ bản đồ số 4AB₄, địa chỉ khu NH1, A, D, D, diện tích 1.108,6 m².

2/ Giấy CNQSD đất 2290, tờ bản đồ số 4AB₈, địa chỉ khu phố Đ, D, D, diện tích 185,1 m².

3/ Giấy CNQSD đất số 4974, tờ bản đồ số 405, diện tích 1.114 m², địa chỉ: Nội Hóa 1, B, D, D, diện tích 185,1 m²

Cho chị Nguyễn Thị C, Đ/c: Nội Hóa, B, D, D, với số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ đồng chẵn)”. Cuối nội dung “Giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp” ông H ký và viết tên Nguyễn Kim H. Ông H thừa nhận chữ ký và chữ viết cuối “Giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp” là của ông H.

Cũng tại Giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp này, bà Nguyễn Thị Bích L đã nhận 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H và viết nội dung:

“Tôi tên Nguyễn Thị Bích L, Đ/c 320B/24 Nội Hóa, Bình An, Dĩ An, Bình Dương, CMND 280425882 cấp ngày 17/8/2006 có nhận của anh Hùng 03 giấy CN chủ quyền sử dụng đất:

1/ Quyền số 260239

2/ *Quyển số 009673*

3/ *Quyển số BE 596966.*

Đã mượn chị Nguyễn Thị Chuyên số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ chẵn).

Cuối văn bản bà L ký tên và ghi rõ họ tên Nguyễn Thị Bích L.

Bà C thừa nhận đã nhận 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên do bà L giao, và đã cho ông H, bà L vay số tiền 2.000.000.000 đồng.

Đến ngày 20/12/2015, theo trình bày của bà C thì bà L và ông H đã trả cho bà C số tiền 500.000.000 đồng (bút lục 45). Đến ngày 21/3/2016, bà L mượn lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 44) và viết giấy có nội dung “*Tôi tên Nguyễn Thị Bích L, Đ/c 320B/24 Nội Hóa, Bình An, Dĩ An, Bình Dương, CMND 280425882 cấp ngày 17/8/2006 có mượn lại quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Kim H. CN số 4974 của chị Nguyễn Thị C (thời gian 2 ngày).*”

[5] Đối chiếu các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông H, bà M với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H dùng để ủy quyền, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp cho bà C là trùng khớp nhau. Tuy nhiên, 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùng để ủy quyền, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp cho bà C là tài sản chung của vợ chồng, việc ông H sử dụng tài sản chung để ủy quyền, bảo lãnh, cầm cố, thế chấp vay tiền của bà C không có sự đồng ý của bà M là vi phạm quyền sở hữu chung của vợ chồng quy định tại Điều 213 Bộ luật Dân sự nên vô hiệu theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng, bà L bán vật liệu xây dựng thuê cho người chị của bà L; ông H đến mua vật liệu xây dựng do bà L bán để xây dựng chùa từ thiện, do còn nợ tiền của bà L nên bà L nhờ ông Nguyễn Ngọc C đến giao cho ông H tờ giấy trắng và yêu cầu ông H ký tên vào các tờ giấy trắng chưa ghi nội dung và giao cho bà L để ghi số tiền nợ mua vật liệu, và giao cho bà L 03 giấy chứng nhận để thế chấp làm tin cho số tiền còn nợ. Tuy nhiên, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm thì ông H trình bày, bà L mượn ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm gì ông H không biết. Nhận thấy lời trình bày của ông H nêu trên là mâu thuẫn nhau, không phù hợp sự thật khách quan; đồng thời ông H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có giao dịch mua vật liệu của bà L, có nợ tiền của bà L, không có chứng cứ chứng minh giao cho bà L mượn ba giấy chứng nhận. Do đó, lời khai này của ông H không có căn cứ, không phù hợp với sự thật khách quan (*mua vật liệu nhưng không biết số tiền nợ là bao nhiêu; cho mượn giấy chứng nhận mà không cần phải biết để dùng vào mục đích gì, giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L trong lúc bà L là người làm thuê cho người khác*).

[7] Quá trình tố tụng, ông H cho rằng không vay tiền của bà C, tuy nhiên tại “*Giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp*” do ông H ký tên có nội dung bảo lãnh cho cô “*Nguyễn Thị Bích L thay ông H cầm cố - thế chấp...*”. Đồng thời, tại thời điểm khởi kiện ông H yêu cầu bà C trả lại cho ông H ba giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên đến ngày 13/5/2019, ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà C trả lại hai giấy chứng nhận. Nội dung này chứng minh, khi ông H và bà L vay của bà C số tiền 2.000.000.000 đồng thế chấp 03 giấy chứng nhận, và khi đã trả được số tiền 500.000.000 đồng cho bà C, thì bà L (mượn) nhận lại từ bà C một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hứa trả lại sau hai ngày nhưng bà L không giao lại cho bà C. Sau khi khởi kiện, ông H thay đổi một phần yêu cầu (chỉ yêu cầu trả lại hai giấy chứng nhận).

[8] Đối với ông Nguyễn Ngọc C là người làm chứng, có mối quan hệ là người làm công cho bà L (theo trình bày của ông C và ông H). Ông C trình bày bà L giao cho ông C tờ giấy trắng đến giao cho ông H, ông H ký tên vào các điểm đánh dấu sẵn, tuy nhiên tờ “Giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp” là giấy kẻ ô li màu xanh (bút lục 45) chứ không phải là tờ giấy trắng; đồng thời việc ông H trình bày giao cho ông C ba bản chính giấy chứng nhận để giao lại cho bà L nhưng không có tài liệu chứng minh. Lời khai của ông C không đủ tin cậy.

[9] Với những tài liệu chứng cứ trên, có căn cứ xác định ông H lập “Giấy ủy quyền - bảo lãnh cầm cố - thế chấp” mục đích bảo lãnh cho bà L thay mặt ông H vay tiền của bà C, sau khi vay số tiền 2.000.000.000 đồng một thời gian, ông H và bà L đã trả cho bà C số tiền 500.000.000 đồng. Bà L mượn lại một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hứa trong hai ngày trả lại cho bà C không trả. Số tiền vay còn lại 1.500.000.000 đồng đến nay chưa trả.

[10] Về trách nhiệm trả số tiền 1.500.000.000 đồng, Tòa án nhận thấy, tại “Giấy ủy quyền - bảo lãnh - cầm cố thế chấp” ông H ký tên có nội dung “*Nay tôi làm giấy này bảo lãnh cho cô Nguyễn Thị Bích L thay tôi cầm cố - thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Với nội dung trên thể hiện ông H bảo lãnh cho bà L thay ông H vay tiền của bà C. Đối với việc cầm cố - thế chấp 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vô hiệu không phát sinh hiệu lực như đã phân tích ở trên. Do đó trách nhiệm trả số tiền trên là của ông H. Trường hợp ông H chỉ bảo lãnh chứ không sử dụng tiền vay thì khi bà L không trả tiền cho bà C thì ông H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Dân sự.

Điều 342 Bộ luật Dân sự quy định như sau:

“1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.

2. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại.”

Tuy nhiên, bà C yêu cầu ông H và bà L liên đới trả số tiền nợ còn lại. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C; bà C không kháng cáo nên không có căn cứ xem xét lại.

[11] Với tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo và kháng nghị.

[12] Án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải chịu.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Kim H và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2020/DS-ST ngày 21-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Án phí phúc thẩm: Ông H phải chịu số tiền 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại Biên lai số 0048601 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP D;
- TAND TP D;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Hoài Trí Ngô Thị Bích Diệp

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP Thủ Dầu Một;
- TAND TP Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài